

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2016.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục CNTT thuộc Bộ TN&MT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư lưu trữ tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (Th). 50

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**

## QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng  
dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **30** /2016/QĐ-UBND  
ngày **05** tháng **10** năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông)

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại tỉnh Đắk Nông, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông.

3. Trường hợp điều ước Quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 2, Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 102/2008/NĐ-CP).

#### **Điều 2. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông**

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông là các bản chính, bản gốc tài liệu, mẫu vật, số liệu ngành Tài nguyên và Môi trường của tỉnh đã được xử lý và lưu trữ theo quy định. Dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông gồm các loại dữ liệu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

#### **Điều 3. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông**

Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông là tập hợp toàn bộ dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thu thập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và các văn bản, tài liệu liên quan do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ, các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD và các thiết bị lưu trữ tin học khác.

**Chương II**  
**THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU**  
**VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc phối hợp lập, phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

**1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường của địa phương;

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã xây dựng dự thảo, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh, theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT).

**2. Các Sở, Ban, ngành**

Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình xác định, lập danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 để tổng hợp, dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Tham gia góp ý bằng văn bản sau khi nhận được dự thảo kế hoạch thu thập, quản lý dữ liệu hàng năm do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng;

Thường xuyên phối hợp, thông báo những nội dung, nhiệm vụ có liên quan được giao trong kế hoạch thu thập, quản lý dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thực hiện kế hoạch thu thập, quản lý dữ liệu.

**3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã**

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, cập nhật dữ liệu, tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thị xã; cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

**Điều 5. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu**

1. Nguyên tắc, nội dung kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã sau khi thu thập, tiếp nhận phải tiến hành kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường.

**Điều 6. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông**

Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường; kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

**Điều 7. Giao nhận dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo Quy chế này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để xây dựng, thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Quy chế này.

3. Dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định thuộc loại quản lý lưu trữ ở tỉnh thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện giao nộp cho đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường phân công quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường chậm nhất không quá 06 tháng kể từ khi hồ sơ được phê duyệt và hoàn thiện. Trường hợp quá 06 tháng nhưng chưa bàn giao dữ liệu tài nguyên và môi trường vào lưu trữ thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải lập danh mục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các đơn vị, doanh nghiệp có lắp đặt trạm quan trắc không khí, khí thải, nước tự động phải lắp đặt thiết bị truyền và nhận để truyền trực tiếp kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời có trách nhiệm tự bảo quản các thiết bị dùng để truyền dữ liệu, bảo đảm tính chính xác và chi phí truyền thông.

**Chương III**

**CUNG CẤP, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU  
VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 8. Quy định về cung cấp dữ liệu**

### 1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu

a) Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp cho các tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu, thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định; ký kết hợp đồng dịch vụ thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP. Việc cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 26 và Điều 27 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT;

c) Cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu trên mạng internet chỉ được thực hiện khi điều kiện phù hợp với khả năng điều kiện công nghệ thông tin trực tuyến theo các quy định tại Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

### 2. Hình thức cung cấp dữ liệu

a) Giao nộp trực tiếp với những hồ sơ, dữ liệu là bản chính, bản gốc. Các dữ liệu khác có thể nộp trực tiếp, gửi qua mạng thông tin điện tử (trừ tài liệu thuộc bí mật nhà nước) hoặc qua đường bưu điện;

b) Dữ liệu số, trên đĩa CD, DVD, băng từ... phải ghi rõ tên nội dung dữ liệu cơ quan cung cấp;

c) Dữ liệu từ các trạm quan trắc không khí, khí thải, nước tự động phải được truyền nguyên dạng tín hiệu, chưa chỉnh sửa, biên tập.

### 3. Thời hạn cung cấp dữ liệu

a) Việc cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thời hạn thực hiện theo đúng quy định, yêu cầu;

b) Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo định kỳ 6 tháng và một năm: dữ liệu 6 tháng gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 7 (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6); dữ liệu một năm gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/01 năm sau (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12).

### 4. Yêu cầu đối với dữ liệu được cập nhật

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

## **Điều 9. Hình thức khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Việc khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau:



a) Khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu gửi đến cơ quan quản lý dữ liệu;

b) Khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường bằng hình thức hợp đồng giữa cơ quan quản lý dữ liệu và bên khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác dữ liệu dạng số được quy định như sau:

a) Khai thác để thực hiện việc nghiên cứu, xây dựng các dự án, nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý Nhà nước thì được cung cấp dạng tập tin biên tập được;

b) Khai thác phục vụ cho mục đích khác, ngoài quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này thì được cung cấp dạng tập tin PDF, JPEG, GIF, TIFF, MP3, PHG, MPEG-1, MPEG-2.

**Điều 10. Thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ, đối tượng được phép khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

1. Thẩm quyền, phạm vi, mức độ cung cấp dữ liệu

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường mức độ Tối mật;

b) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường mức độ Mật;

c) Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho phép cung cấp các dữ liệu về tài nguyên và môi trường ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

d) Đối với việc cung cấp dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng được phép khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Các tổ chức thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập, được phép khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ cho các mục đích quốc phòng, an ninh, công tác lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực, ngành mình phụ trách mà không phải nộp phí khai thác dữ liệu;

b) Tổ chức, cá nhân không thuộc điểm a khoản 2 Điều này có văn bản hoặc phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu theo quy định tại Điều 23 và không thuộc những trường hợp quy định tại Điều 25 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT đều được cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường, đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

**Điều 11. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường**



1. Nguyên tắc phối hợp, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường với các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Điều 28 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Nội dung phối hợp, chia sẻ dữ liệu

a) Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu, các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên thông báo, trao đổi nhiệm vụ để thực hiện nhanh chóng, hiệu quả; đảm bảo việc thu thập, xử lý dữ liệu tuân thủ đúng quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chính xác, tin cậy, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực;

b) Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã quản lý dữ liệu và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ - kỹ thuật cần thiết để bảo mật hệ thống dữ liệu chung, bảo đảm sự chia sẻ dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các tổ chức, cá nhân.

**Điều 12. Kinh phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

#### **Chương IV**

### **LƯU TRỮ, BẢO QUẢN, BẢO ĐẢM AN TOÀN DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 13. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu**

1. Tất cả các dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá dữ liệu để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định, quy trình, pháp luật về lưu trữ.

**Điều 14. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số**

1. Việc bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác; đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu;

b) Có các biện pháp quản lý nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung dữ liệu đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra. Bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường bao gồm các nội dung bảo vệ và bảo mật dữ liệu, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng;



c) Xây dựng danh mục cụ thể các dữ liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước; mức độ bảo mật và phương án bảo vệ các dữ liệu;

d) Định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử;

đ) Định kỳ mỗi năm 1 (một) lần sao lưu dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD) và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật.

## Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 15. Quy định chuyển tiếp

Các dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 6 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

#### Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TỈNH ĐẮK NÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30 /2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

1. Dữ liệu về đất đai gồm:

a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;

b) Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

c) Thống kê, kiểm kê đất đai;

d) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

đ) Giá đất và bản đồ giá đất;

e) Điều tra cơ bản về đất đai.

2. Dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;

c) Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước;

d) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan;

đ) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

3. Dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất);

b) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

c) Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

*nes*

d) Kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản trên phạm vi tỉnh Đắk Nông.

4. Dữ liệu về môi trường gồm:

a) Báo cáo Hiện trạng môi trường (cấp tỉnh, cấp huyện, ngành);

b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên;

c) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

d) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

đ) Kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

e) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

g) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

h) Kết quả về xử lý chất thải, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước;

b) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

6. Dữ liệu đo đạc và bản đồ gồm:

122

a) Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia được các bộ, ban, ngành bàn giao cho tỉnh quản lý;

b) Hệ thống không ảnh;

c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình;

d) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp;

đ) Bản đồ hành chính;

e) Dữ liệu địa danh;

g) Thông tin, dữ liệu về: mạng lưới đo đạc chuyên dụng; hệ thống không ảnh chuyên dụng; sản phẩm bản đồ công trình ngầm; sản phẩm bản đồ hàng không; sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác;

7. Dữ liệu về viễn thám gồm:

a) Dữ liệu ảnh thu nhận từ vệ tinh viễn thám được bàn giao;

b) Sản phẩm ảnh viễn thám được bàn giao;

8. Kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

9. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

10. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

11. Dữ liệu khác liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường của tỉnh.



